

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25-6-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hùng Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Đăng.

2. Ông Huỳnh Trung Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nhân, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thành T, sinh năm 1980, có mặt.

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

2. Bị đơn: Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1980, có mặt.

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25/02/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Thành T trình bày:

Về hôn nhân: Vợ chồng anh T, chị V có tìm hiểu nhau trước một thời gian, không tổ chức đám cưới mà tự chung sống từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ag, huyện T, tỉnh Đồng Tháp ngày 19 tháng 3 năm 2008. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống do lúc đầu anh T còn trẻ không lo làm đê chăm sóc gia đình do một mình vợ nuôi con nhưng anh T đã sửa đổi bản thân lo làm ăn lại thì vợ cho rằng anh T

không làm ăn để nuôi con, từ đó luôn bất đồng ý kiến nên dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng và anh T và chị V đã ly thân hơn 4 năm nay, thời gian ly thân vợ chồng có hàn gắn nhưng không được. Mặt khác, chị V luôn kiếm chuyện với mẹ chồng và cho rằng trong thời gian ly thân tôi có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài nhưng anh T cho rằng là không có chỉ là bạn làm ăn qua lại. Nay, cuộc sống vợ chồng đã đổ vỡ hoàn toàn không thể hàn gắn lại được. Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị V.

Về nuôi con: Anh T và chị V chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thành L, sinh ngày 23/12/2006 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 16/02/2009 (L và N hiện đang sống với chị V). Khi ly hôn, anh T đồng ý giao 02 người con cho vợ nuôi, anh T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo văn bản ý kiến ngày 09/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng V trình bày:

Về hôn nhân: Vợ chồng anh T, chị V có tìm hiểu nhau trước một thời gian, không tổ chức đám cưới mà tự chung sống 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp ngày 19 tháng 3 năm 2008 như anh T trình bày. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống do anh T không lo làm để chăm sóc gia đình do một mình chị V nuôi con. Nguyên nhân là do anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài, từ đó luôn bất đồng ý kiến nên dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng và đã ly thân hơn 4 năm nay, chị V vẫn còn thương anh T không muốn ly hôn, muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nuôi con. Mặt khác, trong thời gian ly thân anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nhưng chị V không yêu cầu giải quyết đối với anh T có mối quan hệ bên ngoài. Nay, chị V vẫn còn thương anh T nên không muốn ly hôn với anh T.

Về nuôi con: Có 02 con chung tên Nguyễn Thành L, sinh ngày 23/12/2006 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 16/02/2009, L và N hiện đang sống với chị V. Trường hợp Tòa án xét có căn cứ cho ly hôn thì chị V yêu cầu được nuôi 02 con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh T yêu cầu được ly hôn với chị V. Đây là vụ án về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn hiện cư trú tại địa bàn ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh T và chị V là hoàn toàn tự nguyện và anh, chị có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, trong quá trình chung sống anh, chị sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và anh T, chị V đã sống ly thân hơn 4 năm nay, từ khi ly thân đến nay anh, chị không gặp nhau để tìm ra phương cách hàn gắn lại với nhau dẫn đến anh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tuy nhiên, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để động viên cho anh, chị hàn gắn lại với nhau nhưng anh T vẫn cương quyết ly hôn. Xét thấy, đời sống chung của anh T, chị V không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị V là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con: Tại phiên tòa, anh T và chị V trình bày trong thời gian chung sống anh, chị có 02 con chung tên Nguyễn Thành L, sinh ngày 23/12/2006 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 16/02/2009 (L và N hiện đang sống với chị V). Khi ly hôn, anh T đồng ý giao 02 người con cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con, chị V không yêu cầu anh T không cấp dưỡng nuôi con, tại tờ tường trình ngày 09/4/2021 và tại phiên tòa cháu Nguyễn Thành L và Nguyễn Thị Kim N có nguyện vọng sống với chị V. Xét thấy, con chung do chị V nuôi dưỡng, trong quá trình nuôi dưỡng chị V vẫn đảm bảo cho cháu L và N có cuộc sống ổn định, phát triển tốt và anh T cũng đồng ý giao 02 người con cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng nên chấp nhận giao cháu L và N cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về chia tài sản: Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và vợ chồng cũng không thiếu nợ ai khác.

[3] Về án phí: Nguyên đơn anh T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thành T đối với chị Nguyễn Thị Hồng V (theo giấy chứng nhận kết hôn bản chính số 38, quyển số 01, ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp).

2. Về nuôi con:

Giao con Nguyễn Thành L, sinh ngày 23/12/2006 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 16/02/2009 (Nguyễn Thành L và Nguyễn Thị Kim N hiện đang sống chung với chị Nguyễn Thị Hồng V) cho chị Nguyễn Thị Hồng V tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, anh Nguyễn Thành T không cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị Hồng V không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1. Anh Nguyễn Thành T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BI/2019/0010060 ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp, anh Nguyễn Thành T đã nộp đủ án phí.

3.2. Chị Nguyễn Thị Hồng V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND T. Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Tg;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lê Hùng Cường